

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Số: 10 /2021/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày 12 tháng 3 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI KHÓA XII KỲ HỌP THỨ 24

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 22/TTr-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng nộp phí: Tổ chức, cơ sở tôn giáo, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định hồ sơ để thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (bao gồm cấp, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận và chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp).

b) Cơ quan thu phí: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố.

c) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác có liên quan đến việc kê

khai, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Điều 2. Đối tượng miễn nộp phí

1. Hộ nghèo;
2. Người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng;
3. Đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc các xã đặc biệt khó khăn.

Điều 3. Mức thu phí

Mức thu phí được quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

Điều 4. kê khai thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền phí

1. Người nộp phí thực hiện nộp phí theo từng lần phát sinh.
2. Cơ quan thu phí được trích để lại 100% trên tổng số thu được để trang trải cho công tác thẩm định hồ sơ.
3. Định kỳ hàng tháng, cơ quan thu phí phải gửi số tiền phí đã thu được vào tài khoản phí chờ nộp mở tại Kho bạc Nhà nước và thực hiện kê khai, quyết toán tiền phí thu được theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khoá XII Kỳ họp thứ 24 thông qua ngày 12 tháng 3 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 3 năm 2021; thay thế Nghị quyết số 17/2017/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi./.

CHỦ TỊCH
(Đã ký)

Bùi Thị Quỳnh Vân

Phụ lục

(Kèm theo Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
I.	Trường hợp cấp lần đầu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất		
1.	Tổ chức (tổ chức nhà nước và doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế); cơ sở tôn giáo		
a)	Đất có diện tích dưới 1 ha	Đồng/hồ sơ	600.000
b)	Đất có diện tích từ 1 ha đến dưới 2 ha	Đồng/hồ sơ	1.000.000
c)	Đất có diện tích từ 2 ha đến dưới 5 ha	Đồng/hồ sơ	2.000.000
d)	Đất có diện tích từ 5 ha đến dưới 10 ha	Đồng/hồ sơ	3.000.000
đ)	Đất có diện tích từ 10 ha đến dưới 20 ha	Đồng/hồ sơ	4.000.000
e)	Đất có diện tích từ 20 ha trở lên	Đồng/hồ sơ	5.000.000
2	Hộ gia đình, cá nhân	Đồng/hồ sơ	
a)	Đất làm trang trại; đất sản xuất kinh doanh	Đồng/hồ sơ	400.000
b)	Đất ở và các loại đất còn lại, gồm:	Đồng/hồ sơ	
	Đất tại các phường thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện.	Đồng/hồ sơ	100.000
	Đất tại các xã thuộc huyện miền núi; các xã miền núi thuộc các huyện đồng bằng.	Đồng/hồ sơ	50.000
	Đất tại các xã còn lại và huyện Lý Sơn.	Đồng/hồ sơ	80.000
II.	Trường hợp cấp đổi, cấp lại; đăng ký biến động về đất đai	Đồng/hồ sơ	
1.	Cấp đổi, cấp lại hồ sơ cấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.		
2.	Đăng ký biến động về đất đai (chuyển nhượng, tặng cho, nhận thừa kế...) phải thực hiện chỉnh lý biến động lên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.	Đồng/hồ sơ	Mức thu bằng 70% của hồ sơ cấp lần đầu